

Số: 1625/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- VPB (CCKS);
- Lưu: VT, XNK.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng

PHỤ LỤC DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1625/QĐ-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|--------------------------------------|---------------|--|---|----------------|-------------------------------------|
| A. Thủ tục hành chính cấp trung ương | | | | | |
| 1 | | Cấp Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA | Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len. | Xuất nhập khẩu | Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương |
| 2 | | Gia hạn hiệu lực Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA | | | |
| 3 | | Sửa đổi, bổ sung thông tin của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA | | | |
| 4 | | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định | | | |

| | | | | | |
|---|--|---|--|--|--|
| | | UKVFTA thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương | | | |
| 5 | | Thu hồi Mã số tân trang theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA | | | |

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

1. Cấp Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu (sau đây gọi là doanh nghiệp đề nghị) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Mã số tân trang tới Bộ Công Thương.

Bước 2: Bộ Công Thương kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản (hoặc trực tuyến, nếu có áp dụng) cho doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện.

Bước 3:

- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị đăng ký danh mục hàng hóa tân trang chỉ thuộc Phụ lục IV Nghị định số 66/2024/NĐ-CP: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, Bộ Công Thương thẩm định hồ sơ và cấp Mã số tân trang cho doanh nghiệp đề nghị. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị đăng ký danh mục hàng hóa tân trang thuộc Phụ lục từ I đến VII Nghị định số 66/2024/NĐ-CP:

(i) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Bộ Công Thương gửi hồ sơ tới bộ quản lý chuyên ngành để xin ý kiến thẩm định.

(ii) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến thẩm định của Bộ Công Thương, bộ quản lý chuyên ngành thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời Bộ Công Thương về việc đồng ý hay không đồng ý cấp Mã số tân trang. Trường hợp không đồng ý cấp Mã số tân trang, bộ quản lý chuyên ngành nêu rõ lý do.

(iii) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Công Thương cấp Mã số tân trang hoặc có văn bản từ chối cấp Mã số, nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng) đến Bộ Công Thương.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp Mã số tân trang bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Mã số tân trang theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP (01 bản chính).

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đề nghị hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương (01 bản sao kèm 01 bản dịch tiếng Việt nếu ngôn ngữ sử dụng tại bản sao không phải là tiếng Việt, cả 2 bản được xác thực bởi doanh nghiệp đề nghị).

+ Tài liệu thuyết minh năng lực tân trang, được lập cho từng mã hàng tân trang đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi người ký Đơn đề nghị cấp Mã số tân trang).

+ Tài liệu thuyết minh việc hàng hóa tân trang đáp ứng được quy tắc xuất xứ theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA, được lập cho từng mã hàng tân trang đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi người ký Đơn đề nghị cấp Mã số tân trang).

+ Bản cam kết dành chế độ bảo hành, bảo dưỡng cho hàng hóa tân trang như chế độ bảo hành, bảo dưỡng dành cho chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng, được lập cho từng mã hàng tân trang đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi người ký Đơn đề nghị cấp Mã số tân trang).

+ Văn bản của chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép hàng hóa tân trang được sử dụng nhãn hiệu của hàng hóa ban đầu hoặc được sử dụng cho hàng hóa mà mình sở hữu nhãn hiệu trong trường hợp hàng hóa tân trang là chi tiết, linh kiện, phụ tùng thay thế (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu).

+ Tài liệu chứng minh các cơ sở tân trang thiết bị y tế đáp ứng Hướng dẫn thực hành sản xuất tân trang tốt (Good Remanufactured Practice - GRP) hoặc đáp ứng các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn khác đối với cơ sở tân trang theo pháp luật của nước sở tại: Chỉ áp dụng với trường hợp tân trang thiết bị y tế.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Bộ Công Thương cấp Mã số tân trang hoặc có văn bản từ chối cấp Mã số, nêu rõ lý do trong 90 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định nếu doanh nghiệp đề nghị đăng ký danh mục hàng hóa tân trang chỉ thuộc Phụ lục IV Nghị định số 66/2024/NĐ-CP và trong 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của bộ quản lý chuyên ngành nếu doanh nghiệp đề nghị đăng ký danh mục hàng hóa tân trang thuộc các Phụ lục từ I đến VII Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu là tổ chức theo quy định tại Nghị định số 66/2024/NĐ-CP

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Mã số tân trang

1.8. Lệ phí: Không thu phí

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Mã số tân trang theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

- Hồ sơ đề nghị đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9, 10, 11, 12 Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu;

- Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Phê duyệt Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA);

- Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

PHỤ LỤC VIII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ TÂN TRANG
*(Kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024
của Chính phủ)*

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ TÂN TRANG

Kính gửi: Bộ Công Thương

- Tên chính thức của doanh nghiệp đề nghị:

- Địa chỉ của doanh nghiệp đề nghị:

- Trang web (nếu có):

- Phương thức liên lạc:

Điện thoại:

E-mail:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:

Tên:

Danh xưng: [Ông, Bà, Cô]

Bằng Đơn này, chúng tôi trân trọng đề nghị được cấp Mã số tân trang theo quy định tại Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len,

DANH MỤC HÀNG HÓA TÂN TRANG
ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM

Hàng hóa tân trang số 1

- Mã hàng hóa tân trang: [đề nghị sử dụng mã hàng 8 số liệt kê tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên

hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len. Trường hợp mã hàng chưa được chi tiết đến 8 số tại các Phụ lục này thì người làm đơn cần tra cứu Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, bản cập nhật gần nhất, để khai báo mã hàng hóa tân trang tại mục này ở cấp độ 8 số]

- Tên gọi thông dụng của hàng hóa:
- Mô tả ngắn gọn chức năng của hàng hóa:
- Chức năng và khả năng thực hiện chức năng so với hàng hóa ban đầu: [cần ghi rõ là "không thay đổi" hay "tương tự". Nếu là "tương tự" thì giải thích ngắn gọn lý do vì sao không chọn "không thay đổi" mà lại chọn "tương tự"]
- Thời hạn sử dụng so với hàng hóa ban đầu: [cần ghi rõ số năm, sau đó cho biết là "tương tự" hay "không tương tự" so với thời hạn sử dụng của hàng hóa ban đầu]
- Tài liệu kèm theo mã hàng hóa tân trang này được liệt kê tại Phụ lục số 1 kèm theo Đơn này, gồm có:
 - * Tài liệu thuyết minh năng lực tân trang
 - * Tài liệu thuyết minh việc hàng hóa tân trang đáp ứng được quy tắc xuất xứ theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA.
 - * Bản cam kết dành chế độ bảo hành, bảo dưỡng cho hàng hóa tân trang như chế độ bảo hành, bảo dưỡng dành cho hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng
 - * Văn bản của chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép hàng hóa tân trang được sử dụng nhãn hiệu của hàng hóa ban đầu hoặc được sử dụng cho hàng hóa mà mình sở hữu nhãn hiệu
 - * Tài liệu chứng minh các cơ sở tân trang thiết bị y tế đáp ứng Hướng dẫn thực hành sản xuất tân trang tốt (Good Remanufactured Practice - GRP) hoặc đáp ứng các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn khác đối với cơ sở tân trang theo pháp luật của nước sở tại (chỉ áp dụng với trường hợp tân trang thiết bị y tế).

Hàng hóa tân trang số 2

[Nội dung tương tự như khai cho hàng hóa tân trang số 1 và tiếp tục như vậy cho tới hết danh mục đăng ký]

.....

TUYÊN BỐ

Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận rằng (i) tôi có đủ thẩm quyền, theo luật áp dụng, thay mặt [tên chính thức của doanh nghiệp đề nghị] trong việc ký Đơn này; và (ii) mọi thông tin cung cấp trong Đơn này cùng các Phụ lục kèm theo đều là thông tin trung thực và chính xác.

Người đại diện của doanh nghiệp đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

2. Gia hạn hiệu lực Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

2.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu (sau đây gọi là doanh nghiệp đề nghị) có nhu cầu gia hạn hiệu lực Mã số tân trang gửi Đơn đề nghị gia hạn Mã số tân trang tới Bộ Công Thương trong ít nhất 90 ngày trước ngày Mã số tân trang hết hiệu lực.

Trường hợp có sửa đổi, bổ sung thông tin so với Mã số tân trang đã được cấp, doanh nghiệp có nhu cầu gia hạn Mã số tân trang gửi bổ sung các tài liệu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

Bước 2: Bộ Công Thương kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ.

Bước 3: Trường hợp không sửa đổi, bổ sung thông tin so với Mã số tân trang đã được cấp, Bộ Công Thương xem xét chấp thuận đề nghị gia hạn hiệu lực của Mã số tân trang.

Trường hợp có sửa đổi, bổ sung thông tin so với Mã số tân trang đã được cấp, thực hiện quy trình xử lý Đơn đề nghị gia hạn Mã số tân trang như đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung thông tin của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 16 Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị gia hạn hiệu lực Mã số tân trang bao gồm:

+ Đơn đề nghị gia hạn Mã số tân trang theo mẫu tại Phụ lục IX hoặc Phụ lục X Nghị định số 66/2024/NĐ-CP (01 bản chính).

Trường hợp có sửa đổi, bổ sung thông tin so với Mã số tân trang đã được cấp, doanh nghiệp có nhu cầu gia hạn Mã số tân trang gửi bổ sung các tài liệu:

+ Tài liệu thuyết minh đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp).

+ Bản sao các tài liệu hỗ trợ cho tài liệu thuyết minh, nếu có (mỗi tài liệu 01 bản sao kèm theo bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được xác thực bởi đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ yêu cầu của doanh nghiệp nếu gia hạn nhưng không sửa đổi, bổ sung thông tin so với Mã số tân trang đã được cấp.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu là tổ chức theo quy định tại Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản gia hạn hiệu lực của Mã số tân trang

2.8. Lệ phí: Không thu phí

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị gia hạn Mã số tân trang theo mẫu tại Phụ lục IX hoặc Phụ lục X Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu;
- Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Phê duyệt Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA);
- Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

PHỤ LỤC IX

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN MÃ SỐ TÂN TRANG TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ NHU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TIN

(Kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024
của Chính phủ)

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN MÃ SỐ TÂN TRANG

Kính gửi: Bộ Công Thương

- Tên chính thức của doanh nghiệp đề nghị:

- Địa chỉ của doanh nghiệp đề nghị:

- Trang web (nếu có):

- Phương thức liên lạc:

Điện thoại:

E-mail:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:

Tên:

Danh xưng: [Ông, Bà, Cô]

Bằng Đơn này, chúng tôi trân trọng đề nghị được gia hạn Mã số tân trang được cấp ngày ... tháng ... năm

Chúng tôi không có nhu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin trong lần đề nghị gia hạn Mã số tân trang này.

TUYÊN BỐ

Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận rằng (i) tôi có đủ thẩm quyền, theo luật áp dụng, thay mặt [tên của doanh nghiệp đề nghị] trong việc ký Đơn này; và (ii) mọi thông tin cung cấp trong Đơn này đều là thông tin trung thực và chính xác.

Người đại diện của doanh nghiệp đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

PHỤ LỤC X
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN MÃ SỐ TÂN TRANG
TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ NHU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THÔNG TIN CÙNG VỚI VIỆC GIA HẠN

*(Kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024
của Chính phủ)*

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN MÃ SỐ TÂN TRANG

Kính gửi: Bộ Công Thương

- Tên chính thức của doanh nghiệp đề nghị:

- Địa chỉ của doanh nghiệp đề nghị:

- Trang web (nếu có):

- Phương thức liên lạc:

Điện thoại:

E-mail:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:

Tên:

Danh xưng: [Ông, Bà, Cô]

Bằng Đơn này, chúng tôi trân trọng đề nghị được gia hạn Mã số tân trang cấp ngày ... tháng ... năm với các thông tin sửa đổi, bổ sung như được đề cập tại Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin kèm theo Đơn này.

TUYÊN BỐ

Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận rằng (i) tôi có đủ thẩm quyền, theo luật áp dụng, thay mặt [tên của doanh nghiệp đề nghị] trong việc ký Đơn này; và (ii) mọi thông tin cung cấp trong Đơn này cùng các tài liệu kèm theo đều là thông tin trung thực và chính xác.

Người đại diện của doanh nghiệp đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

3. Sửa đổi, bổ sung thông tin của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

3.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu (sau đây gọi là doanh nghiệp đề nghị) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị tới Bộ Công Thương.

Bước 2: Bộ Công Thương kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ.

Bước 3:

- Trường hợp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin có liên quan tới Phụ lục từ I đến VII Nghị định số 66/2024/NĐ-CP:

(i) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, Bộ Công Thương gửi hồ sơ để lấy ý kiến bộ quản lý chuyên ngành.

(ii) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Bộ Công Thương, bộ quản lý chuyên ngành có văn bản trả lời Bộ Công Thương.

(iii) Nếu bộ quản lý chuyên ngành kết luận việc sửa đổi, bổ sung thông tin không gây ảnh hưởng tới năng lực tân trang, chế độ bảo hành, bảo dưỡng, xuất xứ hàng hóa và quyền sử dụng nhãn hiệu, trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Công Thương ra thông báo bằng văn bản chấp thuận đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin.

Trường hợp Bộ Công Thương hoặc bộ quản lý chuyên ngành nhận thấy việc sửa đổi, bổ sung thông tin có khả năng gây ảnh hưởng tới năng lực tân trang, chế độ bảo hành, bảo dưỡng, xuất xứ hàng hóa và quyền sử dụng nhãn hiệu của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang về việc thẩm định lại năng lực.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin chỉ liên quan tới Phụ lục IV Nghị định số 66/2024/NĐ-CP:

Trường hợp Bộ Công Thương nhận thấy việc sửa đổi, bổ sung thông tin không gây ảnh hưởng tới năng lực tân trang, chế độ bảo hành, bảo dưỡng, xuất xứ hàng hóa và quyền sử dụng nhãn hiệu, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, Bộ Công Thương ra thông báo bằng văn bản chấp thuận đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin.

Trường hợp Bộ Công Thương nhận thấy việc sửa đổi, bổ sung thông tin có khả năng gây ảnh hưởng tới năng lực tân trang, chế độ bảo hành, bảo dưỡng, xuất xứ hàng hóa và quyền sử dụng nhãn hiệu của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang về việc thẩm định lại năng lực.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng)

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP (01 bản chính).

+ Tài liệu thuyết minh đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp).

+ Bản sao các tài liệu hỗ trợ cho tài liệu thuyết minh, nếu có (mỗi tài liệu 01 bản sao kèm theo bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được xác thực bởi đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định nếu hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin chỉ liên quan tới Phụ lục IV Nghị định số 66/2024/NĐ-CP hoặc 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định bằng văn bản của bộ quản lý chuyên ngành nếu hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin có liên quan tới Phụ lục từ I đến VII Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu là tổ chức theo quy định tại Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin về Mã số tân trang.

3.8. Lệ phí: Không thu phí

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu;

- Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Phê duyệt Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA);

- Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

PHỤ LỤC XI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TIN
(Kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ)

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TIN

Kính gửi: Bộ Công Thương

- Tên chính thức của doanh nghiệp đề nghị:
- Địa chỉ của doanh nghiệp đề nghị:
- Mã số tân trang:
- Trang web (nếu có):
- Phương thức liên lạc:

Điện thoại:

E-mail:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:

Tên:

Danh xưng: [Ông, Bà, Cô]

Bằng Đơn này, chúng tôi trân trọng đề nghị được sửa đổi, bổ sung thông tin đã cung cấp tới quý Cơ quan trong hồ sơ đề nghị cấp Mã số tân trang.

Tài liệu thuyết minh đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin và bản sao các tài liệu hỗ trợ cho tài liệu thuyết minh được đính kèm tại Phụ lục kèm theo Đơn này.

TUYÊN BỐ

Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận rằng (i) tôi có đủ thẩm quyền, theo luật áp dụng, thay mặt [tên chính thức của doanh nghiệp đề nghị] trong việc ký Đơn này; và (ii) mọi thông tin cung cấp trong Đơn này cùng các Phụ lục kèm theo đều là thông tin trung thực và chính xác.

Người đại diện của doanh nghiệp đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

4. Thu hồi Mã số tân trang theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

4.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu (sau đây gọi là doanh nghiệp đề nghị) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị tới Bộ Công Thương.

Bước 2: Trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, Bộ Công Thương ban hành Quyết định thu hồi Mã số tân trang.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng)

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị thu hồi Mã số tân trang (nêu rõ lý do);

+ Văn bản cấp Mã số tân trang (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ yêu cầu của doanh nghiệp.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu là tổ chức theo quy định tại Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi Mã số tân trang của Bộ Công Thương

4.8. Lệ phí: Không thu phí

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu;

- Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Phê duyệt Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA);

- Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương

5.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Thương nhân nhập khẩu gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang tới cơ quan cấp giấy phép theo phân công tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

Bước 2: Cơ quan cấp giấy phép kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép thông báo bằng văn bản cho thương nhân để bổ sung, hoàn thiện..

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA cho thương nhân. Trường hợp không cấp, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng) tới cơ quan cấp phép

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP (01 bản chính).

+Văn bản của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang xác nhận hàng hóa tân trang nhập khẩu theo Đơn đề nghị của thương nhân là hàng hóa đã được doanh nghiệp này đăng ký khi đề nghị cấp Mã số tân trang (01 bản chính kèm theo bản dịch tiếng Việt nếu ngôn ngữ sử dụng tại bản chính không phải là tiếng Việt, được ký xác thực bởi đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang).

+ Báo cáo tình hình nhập khẩu hàng hóa tân trang theo giấy chứng nhận đã được cấp trước đó theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP (01 bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: thương nhân nhập khẩu hàng hóa tân trang.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Công Thương,.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

5.8. Lệ phí: Không thu phí

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP .

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hàng hóa tân trang nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều 3 và Điều 5 Nghị định số 66/2024/NĐ-CP.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu;
- Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Phê duyệt Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA);
- Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

PHỤ LỤC XII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀ HÀNG HÓA TÂN
TRANG THEO HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ HIỆP ĐỊNH UKVFTA
(Kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024
của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀ HÀNG HÓA TÂN
TRANG THEO HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ HIỆP ĐỊNH UKVFTA

Kính gửi:.....

- Tên chính thức của thương nhân đề nghị:
- Tên viết tắt (nếu có):
- Tên thương nhân bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Địa chỉ trang web (nếu có):
- Phương thức liên lạc:

Điện thoại

E-mail:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:

Tên và danh xưng [Ông, Bà, Cô]:

Đề nghị Bộ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA theo quy định tại Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len với các thông tin cụ thể như sau:

Mặt hàng thứ nhất

- Tên hàng hóa tân trang:
- Mã hàng hóa tân trang [mã hàng 8 số]:
- Số lượng nhập khẩu:
- Mã số tân trang:
- Năm hoàn thành tân trang:
- Thời hạn sử dụng: [ghi rõ số năm và cho biết thời hạn sử dụng này có tương đương với thời hạn sử dụng của hàng hóa ban đầu khi chưa qua sử dụng hay không]
- Chế độ bảo hành, bảo dưỡng: [ghi rõ hàng hóa tân trang có được cung cấp bảo hành, bảo dưỡng hay không và chế độ bảo hành, bảo dưỡng như chế độ bảo hành, bảo dưỡng dành cho hàng hóa ban đầu khi chưa qua sử dụng hay không]
- Địa chỉ bảo hành, bảo dưỡng: [cung cấp ít nhất 01 địa chỉ bảo hành, bảo dưỡng. Địa chỉ này phải có trong danh sách cơ sở bảo hành, bảo dưỡng của tổ chức đã được cấp Mã số tân trang]
- Xuất xứ hàng hóa: [ghi rõ xuất xứ hàng hóa. Lưu ý: nếu hàng hóa không đáp ứng được quy tắc xuất xứ của Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA thì không được phép nhập khẩu vào Việt Nam và thương nhân nhập khẩu có thể phải chịu trách nhiệm hình sự]
- Nơi hàng hóa dự kiến xuất phát về Việt Nam: [ghi rõ cảng biển, cảng hàng không, ga đường sắt hoặc bến xe mà tại đó hàng hóa dự kiến được xếp lên phương tiện để vận chuyển về Việt Nam]
- Tuyên vận chuyển dự kiến: [ghi rõ vận chuyển thẳng về Việt Nam từ nơi xếp hàng hay dự kiến sẽ ghé qua 1 hoặc nhiều điểm khác. Xin lưu ý: chỉ khai việc ghé qua 1 hoặc nhiều điểm nếu tại điểm đó có việc dỡ hàng ra khỏi phương tiện. Việc ghé qua 01 hoặc nhiều điểm nhưng không có việc dỡ hàng ra khỏi phương tiện vẫn được coi là vận chuyển thẳng]
- Can thiệp vào hàng hóa: [ghi rõ trong quá trình vận chuyển về Việt Nam, liệu hàng hóa có bị thay đổi hay can thiệp bằng các hình thức khác hay không, thí dụ như tháo rời ra, làm sạch, thay đổi bao bì, nhãn mác, mang đi thử nghiệm, mang đi sử dụng v.v. Nếu dự kiến sẽ không có bất kỳ sự can thiệp nào thì ghi là "Không có"]

Mặt hàng thứ hai

[Cung cấp thông tin như đã cung cấp đối với mặt hàng thứ nhất và tiếp tục như thế cho tới mặt hàng cuối cùng]

.....

Các tài liệu kèm theo gồm có

- Văn bản của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang xác nhận hàng hóa tân trang nhập khẩu theo Đơn đề nghị của thương nhân là hàng hóa đã được doanh nghiệp này đăng ký khi đề nghị cấp Mã số tân trang (01 bản chính kèm theo bản dịch tiếng Việt nếu ngôn ngữ sử dụng tại bản chính không phải là tiếng Việt, được ký xác thực bởi đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang).

- Báo cáo tình hình nhập khẩu hàng hóa tân trang theo giấy chứng nhận đã được cấp trước đó theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính).

TUYÊN BỐ

Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận rằng:

1. Tôi có đủ thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam trong việc thay mặt *[ghi tên chính thức của thương nhân đề nghị]* trong việc ký Đơn này.

2. Thông tin cung cấp trong Đơn này cùng các Phụ lục kèm theo, nếu có, mà chúng tôi kiểm soát được đều là thông tin trung thực và chính xác. Thông tin mà chúng tôi có được từ bên thứ ba, bao gồm cả thông tin do tổ chức được cấp Mã số tân trang, hãng vận chuyển, đối tác ký hợp đồng v.v cung cấp đều đã được chúng tôi thẩm định, kiểm tra một cách cẩn thận và có trách nhiệm trước khi đưa vào Đơn này cùng các Phụ lục kèm theo để bảo đảm độ tin cậy cao nhất có thể được.

3. Chúng tôi hiểu rằng cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA có thể từ chối cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA có thời hạn nếu hàng hóa tân trang chưa đủ điều kiện để được cấp giấy phép loại này *[chỉ ghi câu này trong trường hợp đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu có thời hạn]*.

KÝ TÊN

[Ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

PHỤ LỤC XIII
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TÂN TRANG

*(Kèm theo Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024
của Chính phủ)*

| | |
|--|--|
| TÊN THƯƠNG NHÂN <hr style="width: 100%;"/> Số: ... V/v Báo cáo tình hình nhập khẩu hàng hóa tân trang | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc <hr style="width: 100%;"/>, ngày ... tháng ... năm 20... |
|--|--|

Kính gửi:.....

- Tên chính thức của thương nhân:
- Tên viết tắt (nếu có):
- Tên thương nhân bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Địa chỉ trang web (nếu có):
- Phương thức liên lạc: Điện thoại: E-mail:
- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:

Căn cứ Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (Hiệp định EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (Hiệp định UKVFTA), (thương nhân) xin báo cáo tình hình nhập khẩu hàng hóa tân trang (theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA số.... ngày.... do..... cấp) hoặc (trong năm..... (tính từ ngày 01/01/... đến hết ngày 31/12/...)) như sau:

| STT | Tên hàng hoá | Mã số HS | Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA đã được cấp | | Thực hiện nhập khẩu | | |
|-----|--------------|----------|---|-------------------|-------------------------|--------------------|-------------------|
| | | | Số giấy chứng nhận | Số lượng được cấp | Số lượng nhập khẩu thực | Cửa khẩu nhập khẩu | Tờ khai nhập khẩu |

| | | | | | | | |
|---|--|--|--|--|----|--|--|
| | | | | | tế | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |

- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam đối với hàng hóa tân trang nhập khẩu theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA đã được cấp trong kỳ báo cáo. Trong đó, tùy theo trường hợp cụ thể, có các quy định về chính sách nhập khẩu, chính sách mặt hàng, chính sách thuế, hải quan, nhãn hàng hóa; điều kiện kinh doanh; chất lượng sản phẩm; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hiệu suất năng lượng; an toàn bức xạ; an toàn thông tin mạng; đo lường; bảo vệ môi trường; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và quy định khác:

.....
.....
- Báo cáo tình hình thực hiện quy định về điều kiện đối với hàng hóa tân trang nhập khẩu theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ:

.....
.....
(Thương nhân) cam kết về nội dung báo cáo, nếu sai (thương nhân) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

